

**ĐIỂM THI**

**Lớp: Trung cấp lý luận chính trị - Hành chính khóa 15**

**Môn: Phần V.1. Một số kỹ năng cơ bản trong lãnh đạo, quản lý của cán bộ LĐQL ở cơ sở**

**Giảng viên chấm: Trần Thị Thu Hồng; Lương Thị Bằng**

| STT | Họ và tên           | Điểm            |              | STT | Họ và tên            | Điểm            |              |
|-----|---------------------|-----------------|--------------|-----|----------------------|-----------------|--------------|
|     |                     | Số              | Bằng chữ     |     |                      | Số              | Bằng chữ     |
| 1   | Lãnh Văn Báu        | 7.5             | Bảy phẩy năm | 29  | Hoàng Văn Lèn        | 8               | Tám          |
| 2   | Hoàng Văn Công      | 7.5             | Bảy phẩy năm | 30  | Phan Thị Lê          | 8               | Tám          |
| 3   | Nông Văn Cường      | 8               | Tám          | 31  | Phan Quang Lễ        | 7.5             | Bảy phẩy năm |
| 4   | Phùng Văn Chí       | 8               | Tám          | 32  | Bàn Sành Lìn         | 7               | Bảy          |
| 5   | Ma Văn Chính        | 8               | Tám          | 33  | Dương Thị Loan       | 8               | Tám          |
| 6   | Hoàng Văn Chu       | 7.5             | Bảy phẩy năm | 34  | Nông Văn Luận        | 7               | Bảy          |
| 7   | Lã Văn Chung        | 7.5             | Bảy phẩy năm | 35  | Hoàng Thị Nguyệt     | 8               | Tám          |
| 8   | Lăng Thị Diệp       | 7.5             | Bảy phẩy năm | 36  | Đào Văn Pá           | 8               | Tám          |
| 9   | La Thị Dung         | 7.5             | Bảy phẩy năm | 37  | Triệu Đào Phin       | 7.5             | Bảy phẩy năm |
| 10  | Lục Thị Phương Dung | 8.5             | Tám phẩy năm | 38  | Lô Văn Phụng         | 8               | Tám          |
| 11  | Lục Văn Dũng        | 8               | Tám          | 39  | Trần Cao Quý         | 7               | Bảy          |
| 12  | Vi Thị Duyên        | 8.5             | Tám phẩy năm | 40  | Nông Thanh Sơn       | 7               | Bảy          |
| 13  | Dương Văn Đại       | 8               | Tám          | 41  | Hoàng Văn Sư         | 8               | Tám          |
| 14  | Vi Tuyền Điều       | 7.5             | Bảy phẩy năm | 42  | Đặng Hồng Tiến       | 7               | Bảy          |
| 15  | Hoàng Thị Đồi       | Bảo lưu kết quả |              | 43  | Nông Văn Tôn         | 7.5             | Bảy phẩy năm |
| 16  | Hoàng Văn Hiếu      | 8               | Tám          | 44  | Phương Văn Tuấn      | 8.5             | Tám phẩy năm |
| 17  | Vi Văn Hình         | 7.5             | Bảy phẩy năm | 45  | Hứa Thị Tuyết        | 8.5             | Tám phẩy năm |
| 18  | Nông Ngọc Hoàng     | 8.5             | Tám phẩy năm | 46  | Bé Văn Thái          | Bảo lưu kết quả |              |
| 19  | Nông Văn Huân       | 7               | Bảy          | 47  | Nông Văn Thiện       | 7.5             | Bảy phẩy năm |
| 20  | Phan Thị Bạch Huệ   | 8.5             | Tám phẩy năm | 48  | Nghiêm Xuân Thông    | 7.5             | Bảy phẩy năm |
| 21  | Hoàng Văn Hùng      | 8               | Tám          | 49  | Hoàng Văn Thông      | 8               | Tám          |
| 22  | Lê Thị Huyền        | 7.5             | Bảy phẩy năm | 50  | Đoàn Ngọc Thùy       | 7.5             | Bảy phẩy năm |
| 23  | Đàm Thị Hương       | 8.5             | Tám phẩy năm | 51  | Ma Văn Thức          | 7               | Bảy          |
| 24  | Nông Quang Hữu      | 7               | Bảy          | 52  | Nguyễn Thị Như Trang | 8               | Tám          |
| 25  | Hà Thúy Kiều        | 7.5             | Bảy phẩy năm | 53  | Dương Thị Minh Trang | 8.5             | Tám phẩy năm |
| 26  | Triệu Văn Khánh     | 8.5             | Tám phẩy năm | 54  | Nguyễn Xuân Trường   | 8               | Tám          |
| 27  | Hoàng Văn Khê       | 8               | Tám          | 55  | Nông Thị Vân         | 8               | Tám          |
| 28  | Đinh Văn Khiêm      | 8.5             | Tám phẩy năm |     |                      |                 |              |

Điểm 7,00: 08 điểm; Điểm 7,50: 16 điểm; Điểm 8,00: 19 điểm; Điểm 8,50: 10 điểm./.

**GHI ĐIỂM**

**Hoàng Thị Quế**

**PHÒNG ĐÀO TẠO  
TRƯỞNG PHÒNG**

**Tô Vũ Ninh**

**BGH PHÊ DUYỆT  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Bé Dũng**